

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy và ông Lưu Xuân Giới.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương là Thư ký Tòa án Nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Dương Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân khu vực 5 - Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Dương Thị H sinh năm 1973, nơi thường trú thôn P, xã Đ, huyện Đ (nay là thôn P, xã Đ), tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn Q sinh năm 1977, nơi thường trú khu Đ, phường B, thành phố Đ (nay là khu Đ, phường A), tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/6/2024, bản tự khai trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày có nội dung:

- Về tình trạng hôn nhân: chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND Đa Rsal, huyện Đ (nay là UBND xã Đ), tỉnh Lâm Đồng; sau khi kết hôn cả hai về chung sống tại thôn P, xã Đ, huyện Đ (nay là thôn P, xã Đ), tỉnh Lâm Đồng; quá trình chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, anh Q nợ nần nhiều dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, bản thân chị đã phải trả nợ cho anh Q nhiều lần; từ đó đến nay anh Q cũng không sống cùng mẹ con chị nữa. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

cả hai từ lâu đã không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do đó chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để sớm ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: trong thời kỳ hôn nhân chị H và anh Q có 01 con chung là Nguyễn Thái Huyền L, sinh ngày 13/7/2014; trong thời gian vợ chồng ly thân thì con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: chị H xác định không có tài sản chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Ngoài ra chị H không đề nghị Toà án giải quyết thêm vấn đề nào khác

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q có bản tự khai thể hiện nội dung:

Về quá trình kết hôn, chung sống giống như nội dung chị H trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: anh Q cũng xác định nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, cả hai đã ly thân từ năm 2021. Đến nay do thời gian sống ly thân đã lâu, cả hai không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng, do đó chị H làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh Q xác định hai vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thái Huyền L, sinh ngày 13/7/2014; khi ly hôn anh Q đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: anh Q xác định vợ chồng tự thoả thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời trình bày ngày 25/8/2025 cháu Nguyễn Thái Huyền L có nguyện vọng ở với mẹ là chị Dương Thị H nếu bố mẹ ly hôn.

Qua xác minh tại địa phương, Trưởng thôn P, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (nơi chị H và anh Q chung sống) cho biết: chị H và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là xã Đ), tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn cả hai về chung sống tại thôn P, xã Đ, huyện Đ (nay là thôn P, xã Đ), tỉnh Lâm Đồng. Quá trình sinh sống tại địa phương được khoảng 2-3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo địa phương nắm được là do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, anh Q sau đó chuyển ra ngoài Bắc sinh sống, cả hai đã ly thân từ khoảng năm 2016-2018, từ đó đến nay không thấy anh Q trở lại đây sinh sống. Trong thời gian sinh sống chị H và anh Q có 01 con chung, là con gái, sinh năm 2014. Từ khi ly thân con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu bé sinh hoạt và phát triển bình thường. Nay chị H có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Q, đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

1. *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đã đã thực hiện quy định tại Điều 196, 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm có nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng;

2. *Về việc giải quyết vụ án:* đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q; về con chung: chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thái Huyền L, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn anh Nguyễn Văn Q có nơi thường trú tại khu Đ, phường B, thành phố Đ (nay là khu Đ, phường A), tỉnh Quảng Ninh. Tòa án nhân dân huyện Đàm Rồng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lâm Đồng), tỉnh Lâm Đồng đã thụ lý vụ án, sau đó chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh theo Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 03/2025/QĐ-CVA ngày 14/5/2025, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Quảng Ninh.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* chị Dương Thị H và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2013, có thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là UBND xã Đ), tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Cả hai đã sống ly thân từ năm 2016, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh Q. Anh Q cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn do thời gian sống ly thân đã lâu nên anh Q có quan điểm đồng ý ly hôn chị H. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu đời sống hôn nhân tiếp tục kéo dài sẽ không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh Q là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung:* chị H và anh Q có một con chung là Nguyễn Thái Huyền L sinh ngày 13/7/2014; hiện nay cháu L đang ở cùng chị H, khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị H xác định mình có đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh Q cấp dưỡng; anh Q có

quan điểm đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và bản thân cháu L cũng có nguyện ở với chị H. Do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[3.3] *Về tài sản chung*: chị H và anh Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí*: nguyên đơn chị Dương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[5] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị H.

1. *Về ly hôn*: chị Dương Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. *Về tranh chấp nuôi con chung*: giao chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thái Huyền L, sinh ngày 13/7/2014 kể từ tháng 9/2025 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi);

Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: chị Dương Thị H phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006343 ngày 15/01/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. *Về quyền kháng cáo*:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 Quảng Ninh;
- UBND xã Đạm Rông 3, tỉnh Lâm Đồng (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Cường